

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 27- 4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vây

Ông Dương Ngọc Vân Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Tiêu Thành T, sinh ngày 01/01/1995, tại tỉnh T. Nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Tiêu Văn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất là bị cáo; con có 01 người sinh năm 2017; tiền án: 02 lần, ngày 29/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích; ngày 20/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 16/12/2022, chưa được xóa án tích; tiền sự: 02 lần, năm 2020 bị Công an huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản số tiền 1.500.000 đồng chưa chấp hành nộp phạt; năm 2021 bị Công an huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy số tiền 2.250.000 đồng, chưa chấp hành nộp phạt; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/02/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Minh Th, sinh ngày 09/6/1998, tại tỉnh T. Nơi cư trú: khóm 1, phường Z, thành phố T, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề

nghiep: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo ; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976; anh chị em ruột: có 03 người kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: 02 lần, năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã xóa án tích; năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 15/9/2022, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/02/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Dương Minh T, sinh năm 1977 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 1, phường X, thành phố T, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Hữu S, sinh năm 1981 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 1, phường X, thành phố T, tỉnh T.

2/ Nguyễn Văn Lành, sinh năm 1974 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người làm chứng:

Bà Phạm Thị Thúy K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 1, phường X, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/02/2023, bị cáo Tiêu Thành T điện thoại cho bị cáo Nguyễn Minh Th đến ngã ba đường Nguyễn Thiện Thành – Quốc lộ 53 rước, bị cáo Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu xanh – đen, biển số 84E1-398.39 đến rước bị cáo T. Tại đây, bị cáo T rủ bị cáo Th đi tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo Th đồng ý. Bị cáo Th chở bị cáo T đi vòng quanh địa bàn thành phố Trà Vinh tìm nhà nào có sơ hở trong việc quản lý tài sản để lấy trộm. Khi đi đến đoạn đường Dương Quang Đông bị cáo Th điều khiển xe mô tô rẽ vào hẻm số 233 đoạn thuộc khóm 1, phường X, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Chạy được một đoạn thì hai bị cáo phát hiện ngôi nhà số 157 không có khóa cửa rào, bên trong có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, biển số 84B2-109.79 của ông Dương Minh T, sinh năm 1977, nơi cư trú khóm 1, phường X, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đang dựng phía trước sân nhà, thấy không có người trông coi nên hai bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Lúc này, bị cáo Th dừng xe trước cửa rào để cảnh giới, còn bị cáo T xuống xe đi bộ vào trong sân nhà, khi đến chỗ xe mô tô thấy xe có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo T quay đầu xe ra hướng cửa rào rồi lên xe nhanh chóng điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo T điều khiển xe đến nhà ông Trần Hữu S, sinh năm 1981, nơi cư trú: khóm 1, phường X, thành phố T, tỉnh T nhờ cất giữ dùm, mục đích đợi tình hình ổn định sẽ đến lấy lại chiếc xe này để đem đi bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo T có hỏi mượn ông S 1.000.000 đồng đem về đưa cho bị cáo Th 200.000 đồng

nói là tiền bán xe vừa lấy trộm được, bị cáo T giữ lại 100.000 đồng để tiêu xài cá nhân, còn 700.000 đồng hai bị cáo cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 5/BKLDGTS ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, số máy 5C64536402, số khung RLCS5C640BY536399, biển số 84B2-109.79, xe đã qua sử dụng có giá trị thành tiền tại thời điểm bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Vật chứng của vụ án và kết quả xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, số máy 5C64536402, số khung RLCS5C640BY536399, biển số 84B2-109.79, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được là tài sản của bị hại ông Dương Minh T nên đã trao trả lại cho ông T chiếc xe nói trên.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda BLADE, màu xanh – đen, số khung RLHJA3654GY141347, số máy JA36E0666105, xe không có biển số, xe đã qua sử dụng. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo T có mượn chiếc xe này từ bị cáo Th để về nhà tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh T. Trên đường về, bị cáo T sợ bị phát hiện chiếc xe là phương tiện dùng để đi trộm cắp tài sản nên đã tháo biển số ném vào bụi cây ven đường đến nay không tìm lại được. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe này là của ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T – cha ruột của bị cáo T, khi bị cáo Th lấy chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông L không có nhà và hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại chiếc xe trên cho ông L.

Đối với ông Trần Hữu S, sau khi trộm được tài sản bị cáo T đến nhà nhờ ông S cất giữ chiếc xe máy. Tuy nhiên, khi nhận cất giữ dùm tài sản cho bị cáo T thì ông S hoàn toàn không biết chiếc xe này do bị cáo trộm cắp mà có nên không đặt ra xem xét, xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn L, việc bị cáo Th lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BLADE, màu xanh – đen của ông để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông L hoàn toàn không biết nên không đặt ra xem xét, xử lý.

Trách nhiệm dân sự: bị hại ông Dương Minh T đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L đã nhận lại được chiếc xe và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không đặt ra giải quyết, ông Trần Hữu S không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không đặt ra giải quyết.

Tại Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-HS ngày 07/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Tiêu Thành T và Nguyễn Minh Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1,2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Tiêu Thành T và bị cáo Nguyễn Minh Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các

tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tiêu Thành T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/02/2023 bị cáo Nguyễn Minh Th điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 84E1- 398.39 chở bị cáo Tiêu Thành Tâm đi vòng quanh địa bàn thành phố Trà Vinh để tìm tài sản lấy trộm, khi đến hẻm số 233 thuộc khóm 1, phường X thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius biển số 84B2- 109.79 trị giá 11.000.000 đồng của ông Dương Minh T dựng bên trong cửa rào có gắn sẵn chìa khóa trên xe, bị cáo Th đứng bên ngoài cảnh giới, bị cáo T đi vào bên trong lấy trộm xe, sau khi trộm được xe bị cáo T đem đến nhà ông Trần Hữu S gửi, đồng thời bị cáo hỏi mượn ông Sản 1.000.000 đồng cùng Th tiêu xài.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tiêu Thành T và bị cáo Nguyễn Minh Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Tiêu Thành T và bị cáo Nguyễn Minh Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1,2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, mỗi bị cáo đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, khi chấp hành xong hình phạt tù ra ngoài xã hội các bị cáo không chịu cố gắng lao động để tạo lập cho bản thân một nghề nghiệp chân chính. Ngược lại, do lười lao động và đua đòi lối sống vật chất các bị cáo tiếp tục thực hiện tội phạm. Hành động của các bị cáo không chỉ là tái phạm và tái phạm nguy hiểm mà còn thể hiện các bị cáo rất xem thường pháp luật, khước từ sự giáo dục, giúp đỡ của Nhà nước, tạo ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng cần xem xét, sau khi phạm tội đã thật thà khai báo giúp Cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án. Nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Dương Minh T đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu S và ông Nguyễn Văn L có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay ông S và ông L không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu xong.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tiêu Thành T và bị cáo Nguyễn Minh Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tiêu Thành T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2023.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Dương Minh T không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu S, ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ

